

Bản án số 126/2024/DS-ST
Ngày: 09-8-2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng kinh tế*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2024/TLST- DS ngày 20 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số nhà C, Phan Huy Í, tổ C, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH S (viết tắt Công ty S). Địa chỉ: Xóm I, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Trịnh Văn Q - Chức vụ: Giám đốc.

(Anh Đ vắng mặt có lý do, anh Q vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ngày 04/8/2021, anh Nguyễn Văn Đ ký Hợp đồng kinh tế số 86/HĐKT 2021 với Công ty TNHH S (gọi tắt là Công ty S). Nội dung hợp đồng: Công ty S chịu trách nhiệm thi công, lắp đặt cho gia đình anh Đ các hạng mục công trình gồm công, hàng rào, lan can cho công trình nhà ở của anh Đ tại tổ C, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Tổng giá trị công trình là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi

triệu đồng), tạm ứng khi ký hợp đồng 30% giá trị Hợp đồng bằng 40.000.000đ, số tiền còn lại thanh toán khi nghiệm thu; thời gian hoàn thành là 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Ngay sau khi ký Hợp đồng, anh Đ đã chuyển trực tiếp cho anh Q (giám đốc công ty) nhận số tiền 40.000.000đ theo thỏa thuận. Công ty S đã tập kết một số nguyên vật liệu chuẩn bị thi công nhưng không thực hiện việc lắp đặt, thi công các hạng mục công trình đã thỏa thuận, ký kết tại Hợp đồng. Mặc dù vậy, do tin tưởng nên khi đại diện Công ty S yêu cầu, anh Đ vẫn chuyển thêm 02 lần tiền tạm ứng cho Công ty S, cụ thể: Ngày 05/8/2021, anh Đ chuyển chuyển vào số tài khoản số 00478810001 (Ngân hàng T) của anh Q số tiền 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng); ngày 07/11/2021, anh Đ chuyển vào số tài khoản số 00478810001 (Ngân hàng T) của anh Q số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Tổng cộng, từ ngày 04/8/2021 đến ngày 07/11/2021, anh Đ đã chuyển cho anh Q tổng số tiền 116.000.000đ.

Quá hạn, Công ty S không thực hiện hợp đồng, anh Đ đã nhiều lần yêu cầu nhưng Công ty S không phản hồi, không đến công trình để tiếp tục thi công hoặc thu dọn tài sản, không hoàn lại số tiền đã nhận cho anh Đ.

Anh Đ đề nghị Tòa án tuyên hủy “Hợp đồng kinh tế số 86/HĐKT 2021” ký ngày 04/8/2021 giữa anh Nguyễn Văn Đ và Công ty S; buộc Công ty S trả lại số tiền đã nhận là 116.000.000đ (một trăm mười sáu triệu đồng) cho anh Đ. Số nguyên vật liệu Công ty TNHH S đã tập kết tại công trình không bàn giao, không kiểm đếm, Công ty S tự thu dọn.

*Toà án đã tổng đạt Thông báo thụ lý số 72/TB-TLVA ngày 20-05-2024; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ hợp lệ cho Công ty S và người đại diện theo pháp luật là anh Trịnh Văn Q. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q đều vắng mặt nhưng không đưa ra lý do của sự vắng mặt và không gửi các văn bản trình bày ý đối với các yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cũng tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho Công ty S nhưng Công ty S vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ xin giải quyết vắng mặt; Công ty S đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, Công ty S là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn giao nộp bản chính Hợp đồng kinh tế số 86 – HĐKT 2021 ký ngày 04/8/2021 có chữ kí của anh Đ, anh Q là người đại diện theo pháp luật của Công ty S và 02 bản sao kê chi tiết giao dịch chuyển tiền giữa anh Đ và anh Q là người đại diện theo pháp luật của Công ty S. Bị đơn Công ty S đã nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng bản phô tô đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện nhưng không có ý kiến đề nghị gì với Tòa án về yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Ngày 04/8/2021, Công ty TNHH S đã ký Hợp đồng lắp đặt, thi công công, tường rào, lan can cho công trình nhà ở của anh Đ với tổng giá trị công trình 170.000.000đ là sự việc có thật.

Tại Điều II và Điều III Hợp đồng, các bên có thỏa thuận: Sau khi ký hợp đồng, anh Đ phải tạm ứng cho Công ty S 30% giá trị hợp đồng bằng 40.000.000đ; số tiền còn lại thanh toán khi nghiệm thu công trình; thời hạn bàn giao nghiệm thu là 90 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Đ đã thực hiện đúng cam kết, chuyển đủ tiền tạm ứng 40.000.000đ và chuyển thêm 02 lần với tổng số tiền 71.600.000đ vào số tài khoản của anh Q là Giám đốc (người đại diện theo pháp luật) của Công ty S; tổng cộng anh Đ đã giao cho Công ty S số tiền 116.000.000đ. Quá hạn, Công ty S không hoàn thành nghĩa vụ, không bàn giao để nghiệm thu, không đưa ra lý do việc không hoàn thành nghĩa vụ là vi phạm thỏa thuận tại Điều III Hợp đồng đã ký.

Tại Hợp đồng số 86 – HĐKT 2021 ký ngày 04/8/2021, các bên không thỏa thuận về điều khoản chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, mặc dù đã nhận số tiền lớn hơn số tiền tạm ứng theo thỏa thuận nhưng Công ty S không hoàn thành nghĩa vụ theo thỏa thuận. Anh Đ đã yêu cầu thực hiện nghĩa vụ nhưng đến nay Công ty S không thực hiện, không ý kiến đề nghị gì với anh Đ về việc không tiếp tục thực hiện Hợp đồng. Do đó, yêu cầu của anh Đ về việc chấm dứt Hợp đồng số 86 – HĐKT 2021 ký ngày 04/8/2021 giữa anh Nguyễn Văn Đ và Công ty S là có cơ sở, phù hợp với các Điều 423, 424 Bộ luật Dân sự, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại Điều 427 Bộ luật Dân sự quy định về hậu quả của việc hủy bỏ Hợp đồng. Anh Đ yêu cầu Công ty S hoàn trả cho anh Đ tổng số tiền đã nhận là 116.000.000đ, không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Công ty S không ý kiến gì về yêu cầu của anh Đ. Căn cứ Hợp đồng số 86 – HĐKT 2021 ký ngày 04/8/2021 giữa anh Nguyễn Văn Đ và Công ty TNHH S và các tài liệu do anh Đ xuất trình, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Sau khi ký Hợp đồng, anh Đ đã tự nguyện tạm ứng cho Công ty S số tiền 116.000.000đ để thi công công trình theo thỏa thuận. Do Công ty S không hoàn thành nghĩa vụ, không đưa ra lý do không hoàn thành, không ý kiến gì đối với yêu cầu hoàn trả của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn Công ty S phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Đ số tiền đã nhận 116.000.000đ là phù hợp pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí; bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 274, 275, 278, 281, 351, 358, 385, 423, 424, 427 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh **Nguyễn Văn Đ.**

1. Hủy bỏ “Hợp đồng kinh tế” số 86/HĐKT 2021 ký ngày 04/8/2021 giữa anh **Nguyễn Văn Đ** và **Công ty TNHH S.**

2. Buộc **Công ty TNHH S** phải trả cho anh **Nguyễn Văn Đ** số tiền là 116.000.000 đồng (một trăm mười sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc **Công ty TNHH S** phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hủy hợp đồng và 5.800.000 đồng (năm triệu tám trăm nghìn đồng) án phí thực hiện nghĩa vụ hoàn trả. Tổng cộng, **Công ty TNHH S** phải nộp 6.100.000đ (sáu triệu một trăm nghìn đồng).

- Nguyên đơn anh **Nguyễn Văn Đ** không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 2.900.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0003158 ngày 09/5/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Vân;
- Cấp cho đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hòe